TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10 /2019/KDTM-PT
Ngày: 25 / 02 /2019
V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Tuyết Băng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Dương Thị Huệ -Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội*** tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị H – Kiểm sát viên

Ngày 25/02/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 114/2018/TLPT-KDTM ngày 17/12/2018 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 15/2018/KDTM-ST ngày 31/7/2018 của Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐ-PT ngày 16/01/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐ-PT ngày 29/01/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X

Trụ sở: Số 72 LTT, phường B, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Q – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Duy T – Chức vụ: Cán bộ (Giấy ủy quyền số 326/2016/UQ-TGĐ ngày 12/5/2016).

(Có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH TC

Trụ sở: Số 78 HM, quận HBT, Hà Nội

Giám đốc Công ty: Ông Phạm Quốc T (Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam NK – tỉnh NB). (Vắng mặt).

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Anh T - Thành viên công ty

(Vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Đình A - Sinh năm: 1949

- Bà Đặng Thị Thanh T - Sinh năm: 1954

Cùng trú tại: Số 17 Ngách 252/16 Đường Ngọc Thụy, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Hà Nội.

Bà Đặng Thị Thanh T do ông Nguyễn Đình A đại diện theo ủy quyền (Giấy uỷ quyền ngày 26/1 1/2013 tại Văn phòng Công chứng H).

(Ông Đình A có mặt tại phiên tòa)

- Ông Bùi Văn N

- Bà Nguyễn Thị H

Cùng trú tại: Số 23 Ngõ 252/16 Đường NT, phường NT, quận LB, Hà Nội. (Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP X do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 22/4/2008, Ngân hàng TMCP X (Sau đây gọi tắt là Nguyên đơn) và Công ty TNHH TC (Sau đây gọi tắt là Công ty TC) ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1001-LAV-2008-00542 với nội dung Ngân hàng đồng ý cấp hạn mức tín dụng cho Công ty TNHH TC số với tiền 70.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh.

Ngày 14/5/2008, Công ty TC có đơn xin vay số tiền 5.000.000.000 đồng để thanh toán tiền mua hàng kẽm thỏi. Ngân hàng đã giải ngân số tiền nêu trên cho Công ty TC theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1001-LDS-

2008-01032 ngày 14/5/2008. Thời hạn cho vay theo khế ước là 06 tháng, gốc trả cuối kỳ, lãi trả hàng tháng vào ngày nhận nợ; lãi trong hạn 1,38%/tháng, lãi quá hạn 2,07%/tháng; lãi phạt chậm trả: quá 10 ngày kể từ ngày đáo hạn, mức lãi phạt 2% trên số lãi chưa thanh toán, quá 30 ngày kể từ ngày đáo hạn, mức lãi phạt là 5% trên số lãi chưa thanh toán.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay 5.000.000.000 đồng là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số 29 tại thôn G, xã N, huyện GL L, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q887246 do Uỷ ban nhân dân huyện GL cấp cho ông Nguyễn Đình A ngày 06/4/2001. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã được công chứng tại Phòng Công chứng số 01 Thành phố Hà Nội ngày 13/5/2008 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 12/5/2008 tại Văn phòng đăng ký nhà đất quận LB.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Phạm Quốc T – giám đốc Công ty bị bắt, Công an Thành phố Hà Nội đã khởi tố vụ án hình sự "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" xảy ra tại Công ty TNHH TC . Do Công ty TNHH TC không thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng, Ngân hàng đã chuyển khoản nợ trên sang nợ quá hạn theo quy định. Ông Nguyễn Đình A và bà Đặng Thị Thanh T là bên thế chấp đã thanh toán trả cho Ngân hàng được 51.081.433 đồng nợ gốc.

Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết, buộc Công ty TNHH TC trả nợ cho Ngân hàng TMCP X các khoản tiền tính đến ngày 31/3/2018 là 15.602.971.655 đồng trong đó : Nợ gốc là 4.948.918.567 đồng, nợ lãi trong hạn là 7.244.535.391 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.409.517.697 đồng.

Nếu Công ty TNHH TC không thanh toán trả số nợ trên cho Ngân hàng TMCP X , thì Ngân hàng TMCP X đề nghị Toà án cho kê biên phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 55, tờ bản đồ 29 tại thôn G, xã N, huyện GL L, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q887246 do Uỷ ban nhân dân huyện GL cấp ngày 06/4/2001 mang tên ông Nguyễn Đình A để thu hồi nợ.

Bị đơn là Công ty TNHH TC do ông Phạm Anh T – đại diện đương nhiên theo pháp luật trình bày:

Năm 1995, Công ty TNHH TC được thành lập với các thành viên là ông Phạm Quốc T , ông Phạm Anh T và 03 thành viên khác. Từ khi Công ty thành lập ông không tham gia vào hoạt động gì của Công ty, không góp vốn và không hưởng quyền lợi gì từ Công ty. Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh ghi ông góp 30% vốn là theo yêu cầu của pháp luật phải khai như vậy để làm thủ tục, còn thực tế ông không góp đồng nào. Quá trình Công ty TNHH TC thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, ông không ký vào các loại giấy tờ để ông T làm thủ tục đăng ký cấp giấy phép kinh doanh tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.

Công ty TC vay bao nhiêu tiền của Ngân hàng và vay để làm gì ông không biết và không nắm được. Biên bản họp hội đồng thành viên Công ty TNHH TC ngày 07/5/2008 có chữ ký của ông nhưng đó không phải do ông ký, còn ai ký thì ông không biết. Ông và ông T cũng đã có xác nhận về việc ông không liên quan đến Công ty TNHH TC tại bản cam đoan ngày 26/9/2008. Vì vậy ông không chịu trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty TNHH TC đối với số tiền ông T đã vay của Ngân hàng. Yêu cầu Toà án giám định chữ ký của ông trong các văn bản thành lập lại Công ty lần thứ hai do ông T là giám đốc. Ông đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng với tư cách là đại diện của Công ty vì ông không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty TC do chữ ký trong hồ sơ thay đổi đăng ký kinh doanh không phải là chữ ký của ông. Vì vậy, ông không tham gia hoạt động tố tụng tại Tòa án.

Về tài liệu chứng cứ: Ông không có tài liệu, chứng cứ gì để nộp cho tòa án. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Phạm Quốc T - Giám đốc Công ty TNHH TC trình bày: Khoảng năm 1995, ông và 04 người khác là anh C, T1, D, T (ông không nhớ đầy đủ họ tên) đã cùng nhau thành lập Công ty TNHH TC . Quá trình hoạt động, một số thành viên xin rút khỏi Công ty. Vì Công ty TNHH TC là loại hình Công ty trách nhiệm hữu hạn do đó phải có tối thiểu hai thành viên nên năm 2008 ông đã nhờ ông Phạm Anh T đứng tên trên Giấy phép hoạt động kinh doanh. Việc này ông trao đổi bằng miệng, không bằng văn bản và một mình ông đi làm thủ tục đăng ký giấy phép kinh doanh tại Phòng Đăng ký kinh doanh, ông tự ký tất cả các chữ ký của ông Phạm Anh T để làm thủ tục đăng ký kinh doanh. Ông T không biết việc ông đã ký tất cả các văn bản cần có chữ ký của ông Phạm Anh T. Hiện nay, Công ty chỉ còn lại 02 thành viên là ông và ông Phạm Anh T do ông làm giám đốc Công ty đại diện theo pháp luật. Từ tháng 4 năm 2008 đến nay, Công ty TNHH TC không có sự thay đổi gì về thành viên Công ty.

Ngày 22/4/2008, Công ty TNHH TC và Ngân hàng TMCP X ký kết Hợp đồng hạn mức số 1001-LAV-2008-00542, với nội dung Ngân hàng đồng ý cấp hạn mức tín dụng cho Công ty số tiền 70.000.000.000 đồng. Ngày 14/5/2008, Công TNHH TC có đơn xin vay vốn đề nghị Ngân hàng giải ngân số tiền 5.000.000.000 đồng để thanh toán tiền mua hàng kẽm thỏi. Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền 5.000.000.000 đồng cho Công ty TNHH TC theo Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước số 1001- LDS-2008-01032 ngày 14/5/2008. Ngân hàng TMCP X đã giải ngân cho Công ty TNHH TC số tiền 5.000.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay nói trên, ông có nhờ vợ chồng ông Nguyễn Đình A và bà Đặng Thị Thanh T dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Đình A và bà T là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thôn G, xã N, GL, Hà Nội để thế chấp cho Ngân hàng. Việc thế chấp này được lập thành hợp đồng thế chấp có công chứng ngày 12/5/2008 đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký nhà đất quận LB

Trong quá trình xin vay và giải ngân, chỉ có phía Ngân hàng và Công ty TNHH TC ký kết vào các giấy tờ giao dịch, ông không thông báo cho vợ chồng

ông Đình A và bà T biết về việc ký kết những giấy tờ này và ông Đình A - bà T cũng không được ký kết vào những giấy tờ đó. Đến tháng 8/2008 ông bị Công an quận HK, Hà Nội bắt tạm giam về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị Toà án nhân dân thành phố Hà Nội và Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phạt tù chung thân. Do đó, ông chưa có điều kiện để cùng Công ty TNHH TC trả nợ cho Ngân hàng. Việc ông Đình A và bà T trả nợ số tiền 51.081.433 đồng cho Ngân hàng thay cho Công ty TNHH TC , đến ngày 11/4/2013 khi Toà án vào đối chất giữa ông và ông Nguyễn Đình A tại trại giam thì ông mới được biết.

Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X , ông vẫn nhận trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số tiền này khi có điều kiện. Đối với khoản tiền 700.000.000 đồng là ông vay của ông Đình A để kinh doanh không có liên quan gì đến số tiền 5 tỷ ông đã vay của Ngân hàng nên Công ty TNHH TC không đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng về việc phát mại tài sản bảo đảm thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Đình A và bà Đặng Thị Thanh T vì việc thế chấp tài sản của ông Đình A và bà T không liên quan gì đến khoản vay 5 tỷ đồng mà ông đã vay của Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đình A và bà Đăng Thị Thanh T trình bày:

Ông bà không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn về việc phát mại tài sản thế chấp vì:

Tại điểm 3 Điều 2 của bản Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ký kết giữa Ngân hàng TMCP X với Công ty TNHH TC và vợ chồng ông vào ngày 12/5/2008 tại Phòng công chứng số 01 thành phố Hà Nội, có nội dung: *"Các điều kiện chi tiết về việc vay và cho vay số tiền trên sẽ được ghi cụ thể trong các giấy tờ về nghiệp vụ ngân hàng mà bên B, bên c và bên A sẽ ký tại trụ sở của bên A".*

Bên A là Ngân hàng, bên B là Công ty TNHH TC và bên C là vợ chồng ông, bà. Nhưng khi Ngân hàng TMCP X và Công ty TNHH TC ký hợp đồng tín dụng cũng như khế ước, ông hoàn toàn không biết gì và cũng không ai thông báo cho ông, bà là vi phạm điều khoản đã thỏa thuận Hợp đồng thế chấp quyền sử

dụng đất đã ký giữa các bên, không làm phát sinh trách nhiệm bảo lãnh của vợ chồng ông, bà. Ông T – giám đốc Công ty TNHH TC đã xác nhận tài sản đảm bảo cho khoản vay 5.000.000.000 đồng là tài sản đảm bảo hình thành từ vốn vay, không phải bảo đảm bằng tài sản của ông bà do đó trong Hợp đồng tín dụng mới không có chữ ký của ông, bà. Vì vậy, ông, bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý phát mại tài sản. Ông không liên quan gì đến số tiền 5.000.000.000 đồng mà Công ty TNHH TC đã vay. Tại biên bản làm việc ngày 20/7/2009, ông cũng đã ghi rõ nội dung là không chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng nếu phát hiện thấy hợp đồng có những điểm không phù hợp với quy định pháp luật.

Việc Ngân hàng TMCP X giải ngân cho Công ty TNHH TC số tiền 5.000.000.000 đông là vi phạm điểm 3 khoản 2 Hợp đồng thế chấp ký tại Phòng Công chứng, nên ông bà không đồng ý việc Ngân hàng phát mại tài sản của ông bà.

Thời hạn cho vay số tiền 05 tỷ đồng trong hợp đồng tín dụng chênh lệch 10 lần so với thời hạn cho vay số tiền được bảo đảm bằng tài sản thế chấp của ông bà. Như vậy, yêu cầu của Ngân hàng là không có căn cứ pháp lý, trái với quy định tại Điều 14, 15, 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; điều 412 Bộ luật Dân sự năm 2005. Vì vậy, Ngân hàng đã đơn phương chấm dứt thực hiện bản Hợp đồng thế chấp đó và bản hợp đồng đó đã bị huỷ bỏ, không có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết.

Ngoài ra, ông bà còn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án buộc Ngân hàng phải trả ông bà số tiền 51.081.433 đồng ông bà đã nộp cho Ngân hàng và 26.520.000 đồng lãi trong 52 tháng, yêu cầu Ngân hàng phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số 29 thôn G, xã N , huyện GL , Hà Nội cho ông bà. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 31/7/2018, ông, bà xin rút một phần yêu cầu độc lập về việc buộc ngân hàng phải thanh toán số tiền lãi của số tiền nợ gốc nêu trên, không yêu cầu Tòa án giải quyết về số tiền lãi này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ông bà xác nhận về việc ông Nguyễn Đình A và bà Đặng Thị Thanh T đã chuyển nhượng cho ông bà quyền sử dụng đất với diện tích 20m^2 cổng cũ và được ghi trong giấy xác nhận đề ngày 4/1/2013 có chữ ký của vợ chồng ông Đình A, bà T và vợ chồng ông bà, có xác nhận của UBND phường N. Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào liên quan đến quyền sử dụng đất trên, không có yêu cầu gì trong việc Tòa án giải quyết trong vụ án này. Ông bà xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại các phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 130/2011/KDTM-ST ngày 22/8/2011 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X . Buộc Công ty TNHH TC thanh toán trả nợ cho Ngân hàng TMCP X tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là : 8.837.326.823 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP X về việc đề nghị phát mại tài sản thế chấp.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm số 130/2011/KDTN-ST ngày 22/8/2011 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, Ngân hàng TMCP X kháng cáo.

Tại bản án phúc thẩm số 113/2012/KDTM-PT ngày 28/6/2012 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội đã xử: Hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, giao Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo thẩm quyền.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm (Lần 2) số 07/2014/KDTM-ST ngày 13/6/2014 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X . Buộc Công ty TNHH TC phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP X số tiền nợ gốc và nợ lãi, phí phạt là : 12.922.331.805 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP X về việc phát mại tài sản thế chấp….

Không đồng ý với bản án sơ thẩm số 07/2014/KDTM- ST ngày 13/6/2014 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Ngân hàng TMCP X có đơn kháng cáo.

Tại bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 21/2015/KDTM-PT ngày 16/3/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã xử: Chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP X . Buộc Công ty TNHH TC trả nợ cho Ngân hàng TMCP X tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi, phí phạt là: 12.922.331.805 đồng. Trường hợp Công ty TNHH TC không trả hoặc trả không đầy đủ khoản tiền nêu trên, Ngân hàng TMCP X được quyền đề nghị cơ quan Nhà nước phát mại tài sản thế chấp là nhà đất tại thửa đất số 55 tờ bản đồ số 29 tại địa chỉ thôn G, xã N , huyện GL , Hà Nội , theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q887246 do UBND huyện GL cấp ngày 06/4/2001 đứng tên ông Nguyễn Đình A để thu hồi nợ nhưng phải trừ đi phần diện tích đất là 20m2 do ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị H đang quản lý sử dụng…..

Ngày 8/11/2016, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quyết định kháng nghị toàn bộ bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 21/2015/KDTM-PT ngày 16/3/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 35/2017/KDTM-GĐT ngày 28/11/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã xử: Hủy toàn bộ bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 21/2015/KDTM-PT ngày 16/3/2015 của Toàn án nhân dân Thành phố Hà Nội và hủy Toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2014/KDTM-ST ngày 13/6/2014 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 15/2018/KDTM-ST ngày 31/7/2018 (Lần 03) của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xử:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X đối với Công ty TNHH TC

2. Buộc Công ty TNHH TC phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP X theo Hợp

đồng tín dụng cho vay theo hạn mức số 1001-LAV-200900542 ký ngày 22/4/2008 và Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1001-LDS-200801032 ký ngày 14/5/2008 các khoản tính đến ngày 31/7/2018 là 15.829.384.680 đồng, cụ thể : Nợ gốc : 4.948.918.567 đồng; Lãi trong hạn : 7.395.477.408 đồng; Lãi quá hạn: 3.484.988.705 đồng

3. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP X về việc xử lý tài sản bảo đảm là giá trị quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 55, tờ bản đồ số 29 tại địa chỉ thôn G, xã N , huyện GL , Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q887246 do UBND huyện GL cấp ngày 06/4/2001 đứng tên ông Nguyễn Đình A, thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Đình A và bà Đặng Thị T.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Đình A và bà Đặng Thị Thanh T. Buộc Ngân hàng TMCP X phải trả cho ông Nguyễn Đình A và bà Đặng Thị Thanh T số tiền 51.081.433 đồng.

5. Buộc Ngân hàng TMCP X trả lại cho ông Nguyễn Đình A và bà Đặng Thị Thanh T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q887246 thuộc thửa đất số 55, tờ bản đồ số 29 tại địa chỉ thôn G, xã N , huyện GL , Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q887246 do UBND huyện GL cấp ngày 06/4/2001 đứng tên ông Nguyễn Đình A và phải làm ngay thủ tục giải chấp.

6. Đối với yêu cầu về số tiền lãi của số tiền 51.081.433 đồng của ông Nguyễn Đình A, bà Đặng Thị Thanh T tự nguyện không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

7. Đối với việc chuyển nhượng diện tích 20m2 thuộc thửa đất số 55, tờ bản đồ số 29 tại địa chỉ thôn G, xã N , huyện GL , Hà Nội do UBND huyện GL cấp ngày 06/4/2001 đứng tên ông Nguyễn Đình A giữa ông Nguyễn Đình A , bà Đặng Thị Thanh T và ông Bùi Văn N , bà Nguyễn Thị H , ông Đình A, bà T , ông N, bà H và Ngân hàng TMCP X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm số 15/2018/KDTM-ST ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng ngày 07/8/2018 Ngân hàng TMCP X có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bên đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Các đương sự xác nhận ngoài các tài liệu chứng cứ đã nộp cho Tòa án thì không có tài liệu chứng cứ nào khác.

Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phúc thẩm trình bày quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án theo trình tự luật định, các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của Ngân hàng TMCP X làm trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo kháng cáo của Ngân hàng là hợp lệ.

1.1.Về xác định người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH TC thì Công ty TNHH TC có hai thành viên là ông Phạm Quốc T - Giám đốc Công ty và ông Phạm Anh T - Thành viền Công ty. Ông T hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam NK. Quá trình giải quyết vụ án Ông Phạm Anh T và ông Phạm Quốc T đều cho rằng từ khi Công ty TNHH TC thành lập ông Phạm Anh T không tham gia vào hoạt động của Công ty và không hưởng quyền lợi gì từ Công ty. Việc trong giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH TC ghi ông Phạm Anh T góp 30% vốn là theo yêu cầu của pháp luật để làm thủ tục, còn thực tế ông Phạm Anh T không góp đồng nào. Quá trình Công ty TNHH TC thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, ông Phạm Anh T không ký vào bất kỳ biên bản họp Hội đồng thành viên, tất cả các biên bản đều là do ông T

tự ký giả mạo chữ ký của ông Phạm Anh T . Bản thân ông Phạm Anh T khai đã rút tên khỏi Công ty nhưng tại hồ sơ thay đổi đăng ký kinh doanh không thể hiện việc ông T1 không còn là thành viên của Công ty TNHH TC . Như vậy, tuy ông T1 không ký vào các giấy tờ để làm thủ tục thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tại phòng đăng ký kinh doanh- Hà Nội nhưng ông T1 không làm thủ tục rút tên khỏi Công ty TNHH TC , vì vậy ông T1 vẫn là thành viên của Công ty TNHH TC . Theo công văn số 155/CCTT-ĐKKD ngày 06/7/2018 của phòng đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội và tài liệu gửi kèm thể hiện tại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0512272 của Công ty TNHH TC có hai thành viên góp vốn là ông Phạm Quốc T và ông Phạm Anh T và đến thời điểm hiện tại doanh nghiệp đã có Quyết định số: 912861.17 ngày 28/12/2017 về việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Căn cứ khoản 6 Điều 13 Luật Doanh nghiệp năm 2015, trương hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty bị kết án tù thì thành viên còn lại đương nhiên là đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng thành viên về người đại diện theo pháp luật của Công ty. Mặc dù Công ty TNHH TC đã có Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng Hội đồng thành viên của Công ty TNHH TC không có quyết định về người đại diện theo pháp luật, nên Tòa án xác định ông Phạm Anh T - Thành viên còn lại của Công ty TNHH TC là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH TC .

1.2. Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự trong vụ án. Ông Phạm Anh T đại diện Công ty TNHH TC , ông Phạm Quốc T , bà Nguyễn Thị H , ông Bùi Văn N đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Anh T , ông Phạm Quốc T , bà Nguyễn Thị H , ông Bùi Văn N .

[2].Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP X , Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1001-LAV-200800542 ngày 22/04/2008 và Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1001-LDS-200801032 ngày 14/5/2008 ký kết giữa Ngân hàng TMCP X và Công ty TNHH TC được hai bên xác nhận là hợp pháp và có hiệu lực pháp lý.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, bị đơn thừa nhận toàn bộ nợ gốc và nợ lãi như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ nợ gốc, nợ lãi theo đề nghị của nguyên đơn là phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và các thỏa thuận về lãi suất trong Hợp đồng tín dụng là có căn cứ và đúng pháp luật. Các đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị về nội dung này nên cấp phúc thẩm không xem xét.

+ Đối với tài sản đảm bảo cho khoản vay, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 12/5/2008, Ngân hàng X, Công ty TNHH TC và ông Nguyễn Đình A , bà Đặng Thị Thanh T cùng ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 55, tờ bản đồ số 29 tại địa chỉ: Thôn G, xã N , huyện GL , Hà Nội theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số Q887246, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00184.QSDĐ do UBND huyện GL, thành phố Hà Nội cấp ngày 06/4/2001 đứng tên ông Nguyễn Đình A . Nội dung của hợp đồng thế chấp thể hiện:

"…1.Bên C tự nguyện thế chấp tài sản nói trên cho Bên A để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ khoản tiền nói tại điểm 2 dưới đây mà Bên B xin vay của Bên A, theo các điều kiện về thời hạn cho vay, lãi suất tiền vay và về quyền quản lý tiền cho vay của bên A.

2. Bên A chấp nhận việc thế chấp tài sản nói trên của Bên C và đồng ý cho Bên B được vay số tiền với tổng dư nợ cho vay và bảo lãnh tối đa là 5.000.000.000 đ *(Năm tỷ đồng chẵn)* tiền Việt Nam hiện hành hoặc ngoại tệ tương đương trong thời hạn vay là 60 (Sáu mươi) tháng kể từ ngày Bên B nhận được tiền vay và lãi suất tiền vay theo quy định của bên A.

3. Các điều kiện chi tiết về việc vay và cho vay số tiền trên sẽ được ghi cụ thể trong giấy tờ về nghiệp vụ Ngân hàng mà Bên B, Bên C và Bên A sẽ ký tại trụ sở của Bên A….".

Như vậy, nội dung Hợp đồng thế chấp thể hiện các bên đã thỏa thuận với nhau về điều kiện của việc bảo lãnh là vợ chồng ông Nguyễn Đình A và bà Đặng

Thị ThanhThủy phải được biết điều kiện chi tiết về khoản vay và phải được ký trên các giấy tờ vay giữa Ngân hàng X và Công ty TNHH TC . Tại Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1001 -LDS-200801032 ngày 14/5/2008 thể hiện chỉ có hai bên ký kết là Ngân hàng TMCP X và Công ty TNHH TC , không có chữ ký của bên bảo lãnh là ông Nguyễn Đình A và bà Đặng Thị Thanh T. Đây là trường hợp các bên thoả thuận về điều kiện thực hiện nghĩa vụ dân sự theo quy định tại Điều 294 Bộ luật Dân sự năm 2005, nhưng khi Ngân hàng TMCP X và Công ty TNHH TC ký Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1001 -LDS-200801032 ngày 14/5/2008 không bên nào thông báo cho ông Nguyễn Đình A và bà Đặng Thị Thanh T biết. Điều này đã được chính Nguyên đơn và Bị đơn thừa nhận nhiều lần trong các bản khai tại Tòa án.

Hơn nữa Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ này chỉ căn cứ vào Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1001 LAV-200800542 ngày 22/04/2008 không dẫn chiếu đến Hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký, không xác định rõ về tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH TC là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 55, tờ bản đồ số 29 tại địa chỉ thôn G, xã N , huyện GL , Hà Nội là không phù hợp với Điều 51 Luật các tổ chức tín dụng.

Mặt khác, bản án Hình sự phúc thẩm số 383 ngày 08/7/2011 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Hà Nội đã có hiệu lực pháp luật cũng đã xác định rõ khoản vay theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1001 -LDS-200801032 ngày 14/5/2008 là do Công ty TNHH TC sử dụng Hợp đồng kinh tế khống. Do đó, đây là quan hệ dân sự trái pháp luật nên lỗi và trách nhiệm đối với khoản vay này thuộc về Công ty TNHH TC với Ngân hàng X. Nghĩa vụ phát sinh do hành vi trái pháp luật và hợp đồng không đúng quy định pháp luật của Công ty TNHH TC và Ngân hàng X không làm phát sinh trách nhiệm bảo lãnh của vợ chồng ông Nguyễn Đình A , bà Đặng Thị Thanh T. Điều này cũng đã được xác định tại Quyết định giám đốc thẩm số 35/2017/QĐGĐT ngày 28/11/2017 của Ủy ban Thẩm phán – Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội. Do đó ông Nguyễn Đình A , bà Đặng Thị Thanh T không có trách nhiệm bảo lãnh cho khoản vay

5.000.000.000 đồng của Công ty TNHH TC . Như vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP X đề nghị phát mại tài sản của ông Nguyễn Đình A và bà Đặng Thị Thanh T để thu hồi nợ đối với khoản vay 5 tỷ đồng của Công ty TNHH TC .

2.2. Đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Đình A và bà Đặng Thị Thanh T về việc đề nghị Ngân hàng X trả lại ông, bà số tiền hơn 51.081.433 đồng mà ông Đình A và bà T đã thanh toán trả cho Ngân hàng X. Do ông Đình A và bà T không có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH TC , nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của ông Đình A và bà T buộc Ngân hàng X phải trả lại số tiền 51.081.433 đồng cho ông Đình A và bà T .

Do chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Đình A và bà Đặng Thị Thanh T về việc yêu cầu Ngân hàng TMCP X trả lại cho ông, bà 51.081.433 đồng, nên Công ty TNHH TC phải thanh toán cho Ngân hàng X số tiền nợ gốc ban đầu là 5.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng TMCP X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là chỉ đề nghị Công ty TNHH TC phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền nợ gốc là: 4.948.918.567 đồng; Nợ lãi trong hạn là 7.244.535.391 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 3.409.517.697 đồng. Tổng cộng là 15.602.971.655 đồng (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 31/7/2018). Ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Đây là sự tự nguyện của đương sự và không trái với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

2.3. Về số tiền 700.000.000 đồng. Tại biên bản ngày 20/9/2010, ông Nguyễn Đình A đã có ý kiến: Ông đồng ý thanh toán cho Ngân hàng TMCP X số tiền 700.000.000 đồng mà ông đã vay của ông Phạm Quốc T để chi tiêu. Tuy nhiên, quá trình tham gia tố tụng ông Nguyễn Đình A và ông Phạm Quốc T đã thống nhất có ý kiến về số tiền này là do ông Nguyễn Đình A vay cá nhân ông Phạm Quốc T , không liên quan gì đến khoản vay 5 tỷ đồng của Công ty TC và Ngân hàng TMCP X . Mặt khác, Ngân hàng TMCP X cũng không có bất kỳ yêu cầu gì về việc buộc Ông Nguyễn Đình A phải thanh toán số tiền này cho Ngân hàng, nên Tòa án không xem xét.

2.4. Đối với diện tích 20m2 đất do ông Nguyễn Đình A và bà Đặng Thị Thanh T chuyển nhượng cho ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị H : Theo Giấy xác nhận ngày 04/01/2013 (đã được UBND phường Ngọc Thụy xác nhận ngày 04/01/2012) thì ông Nguyễn Đình A và bà Đặng Thị Thanh T xác nhận có chuyển nhượng lại cho ông Bùi Văn N diện tích 20m2 đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Đình A tại thôn Gia Quất, xã Ngọc Thụy, huyện GL, Hà Nội. Hiện nay, diện tích đất này đã được gia đình ông Ngọc xây tường bao. Các bên không có bất kỳ tranh chấp gì đối với diện tích đất này và nguyên đơn là Nguyên đơn cũng không có yêu cầu gì đối với phần diện tích đất này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích trên, xét thấy: Quyết định của bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 15/2018/KDTM-ST ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo của người kháng cáo là không có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm ngày 31/7/2018, ông Nguyễn Đình A và bà Đặng Thị Thanh T đã tự nguyện xin rút một phần yêu cầu độc lập, cụ thể: Ông, bà xin rút yêu cầu về việc buộc Ngân hàng phải thanh toán số tiền lãi của 51.081.433 đồng là số tiền mà ông, bà đã nộp cho Ngân hàng TMCP X . Việc rút một phần yêu cầu độc lập này của ông Đình A và bà T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm cần phải đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của ông Nguyễn Đình A và bà Đặng Thị Thanh T , nhưng cấp sơ thẩm lại quyết định không xem xét là chưa chính xác, nên cấp sơ thẩm cần phải rút kinh nghiêm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn có thiếu sót không tuyên Công ty TNHH TC còn phải tiếp tục trả nợ lãi trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 01/8/2018 cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc trên cho Ngân hàng TMCP X .

Từ những phân tích trên, xét thấy cần phải sửa bản án Sơ thẩm

3. Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm:

- Công ty TNHH TC phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền mà Tòa án tuyên buộc Công ty TNHH TC phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP X .

- Do yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Đình A và bà Đặng Thị Thanh T được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP X phải chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền 51.081.433 đồng.

+ Án phí phúc thẩm:

- Do sửa án sơ thẩm nên Ngân hàng TMCP X không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, 220, 227,228 và khoản 2 Điều 308, Điều 309; Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 302,305,342,344,351,471,476,478,715,721 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng Điều, 51, Điều 91 và Điều 98 Luật tổ chức tín dụng.

Căn cứ Nghị Quyết số 326/ NQ – QH ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 15/2018/KDTM-ST ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X .

2. Buộc Công ty TNHH TC phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X theo Hợp đồng tín dụng cho vay theo hạn mức số: 1001-LAV-2008 00542 ngày 22/4/2008 và Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1001-LDS-200801032 ngày 14/5/2008 tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 31/7/2018

là : 15.829.384.680 đồng (Mười lăm tỷ, tám trăm hai mươi chín triệu, ba trăm tám mươi tư nghìn, sáu trăm tám mươi đồng), trong đó: Nợ gốc: 4.948.918.567 đồng (Bốn tỷ, chín trăm bốn mươi tám triệu, chín trăm mười tám nghìn, năm trăm sáu mươi bảy đồng). Lãi trong hạn: 7.395.477.408 (Bảy tỷ, ba trăm chín mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn, bốn trăm linh tám đồng). Lãi quá hạn: 3.484.988.705 (Ba tỷ, bốn trăm tám mươi bốn triệu, chín trăm tám mươi tám nghìn, bảy trăm linh năm đồng)

Công ty TNHH TC còn phải tiếp tục trả nợ lãi trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 01/8/2018 cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc trên cho Ngân hàng TMCP X.

3. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP X về việc đề nghị xử lý tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất thửa số 55, tờ bản đồ:29 tại địa chỉ: Thôn G, xã N, huyện GL L, thành phố Hà Nội do Ủy ban nhân dân huyện GL cấp đứng tên ông Nguyễn Đình A ngày 06/4/2001, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00184 QSDĐ. Buộc Ngân hàng TMCP X trả lại cho ông Nguyễn Đình A và bà Đặng Thị Thanh T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q887246 do Ủy ban nhân dân huyện GL cấp đứng tên ông Nguyễn Đình A ngày 06/4/2001 tại địa chỉ: Thôn Gia Quất, xã Ngọc Thụy, huyện GL, thành phố Hà Nội.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Đình A và bà Đặng Thị Thanh T . Buộc Ngân hàng TMCP X phải trả lại cho ông Nguyễn Đình A và bà Đặng Thị Thanh T số tiền 51.081.433 đồng (Năm mươi mốt triệu, không trăm tám mươi mốt nghìn, bốn trăm ba mươi ba đồng).

5. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Đình A và bà Đặng Thị Thanh T về việc buộc Ngân hàng TMCP X phải thanh toán tiền lãi của số tiền 51.081.433 đồng (Năm mươi mốt triệu, không trăm tám mươi mốt nghìn, bốn trăm ba mươi ba đồng) cho ông Nguyễn Đình A và bà Đặng Thị Thanh T .

6. Không xem xét giải quyết đối với việc chuyển nhượng 20m2 thuộc thửa đất số 55, tờ bản đồ số 29 tại địa chỉ thôn G, xã N , huyện GL , Hà Nội do UBND

huyện GL cấp ngày 06/4/2001 đứng tên ông Nguyễn Đình A giữa ông Nguyễn Đình A , bà Đặng Thị Thanh T và ông Bùi Văn N , bà Nguyễn Thị H .

7. Về án phí:

- Công ty TNHH TC phải chịu 123.829.384 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn, ba trăm tám mươi bốn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP X phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ngân hàng TMCP X không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm. Ngân hàng TMCP X được trừ đi 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004225 ngày 04/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Ngân hàng TMCP X còn phải nộp 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Trả lại ông Nguyễn Đình A và bà Đặng Thị Thanh T mỗi người 969.000 đồng (Chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu độc lập theo các biên lai số 0003978 và số 0003979 cùng ngày 27/02/2014 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

8- Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng,TP Hà Nội
- TAND Q.Hai Bà Trưng

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Ngô Tuyết Băng